

Bản án số: **04/2019/KDTM-PT**

Ngày: 14-10-2019

*V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ  
và bồi thường thiệt hại do đơn  
phương chấm dứt hợp đồng*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

*Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Bà **Nguyễn Thị An Tiên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:** Bà **Huỳnh Thị Mộng Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 10 và ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ và bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn H;

Địa chỉ trụ sở: Số 4, Đường T, Khu phố B, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

+ Ông Phan Minh T – Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (Có mặt).

+ Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 1226, ấp Ninh An, xã Bàu Nặng, huyện D, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 01/GUQ ngày 28-02-2019) (Có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Cáp treo N;

Địa chỉ trụ sở: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*:

+ Ông Trần Trung K; Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; chức vụ: Phụ trách Phòng HCNS Công ty Cổ phần Cáp treo N là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 29/2019/UQ/TCT ngày 22-3-2019) (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; chức vụ: Chuyên viên Phòng HCNS Công ty Cổ phần Cáp treo N là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 29/2019/UQ/TCT ngày 22-3-2019) (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Công ty TNHH H.

## **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28-02-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Lê Thị Kiều D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H trình bày:*

Ngày 23-01-2018, Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty cổ phần Cáp treo N (gọi tắt là Công ty Cáp treo N) có ký kết Hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 07 thỏa thuận Công ty H cung cấp dịch vụ vệ sinh cho Công ty Cáp treo N, thời hạn hợp đồng từ ngày 17-3-2018 đến hết ngày 03-02-2019 với giá trị hợp đồng là 57.240.000 đồng/tháng. Công ty H thực hiện hợp đồng đúng như thỏa thuận và hoàn thành tốt công việc theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Đến ngày 21-8-2018, Công ty Cáp treo N có Thông báo số 129 gửi Công ty H đề nghị thanh lý hợp đồng trước thời hạn với lý do: “*Hiện nay, do điều kiện khách quan là chủ trương sắp xếp lại bộ máy, tinh giảm nhân sự và giảm thiểu chi phí sinh hoạt*”. Lý do Công ty Cáp treo N đưa ra là không chấp nhận được, do Công ty H không vi phạm hợp đồng. Ngày 31-8-2018, Công ty Cáp treo N và Công ty H có buổi làm việc liên quan đến việc Công ty Cáp treo N yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Công ty H có yêu cầu Công ty Cáp treo N bồi thường tổn thất cho Công ty H mỗi tháng còn lại của hợp đồng là 20.000.000 đồng nhưng Công ty Cáp treo N không đồng ý mà còn quyết định chấm dứt hợp đồng kể từ

ngày 31-8-2018. Cùng ngày, Công ty Cáp treo N có Thông báo số 130 ngày 31-8-2018 để chấm dứt hợp đồng số 07 ngày 23-01-2018 kèm theo các biên bản kiểm tra chất lượng vệ sinh.

Công ty H đã thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng, có đầy đủ máy móc, dụng cụ vệ sinh như cam kết, do Công ty Cáp treo N không có chỗ để máy móc, sợ để máy ở ngoài bị mất trộm nên mỗi khi vệ sinh xong thì Công ty H chở máy móc về và Công ty đã cung cấp đủ số lượng nhân viên như thỏa thuận, hoàn thành tốt công việc theo hợp đồng đã ký kết.

Trong hợp đồng, tuy không có nội dung ghi rõ hình thức nhắc nhở khi không hài lòng về chất lượng dịch vụ nhưng tại Điều 6 của Hợp đồng có nội dung: *“Nếu có vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản”*. Công ty H từ trước đến nay chưa nhận được bất kỳ thông báo nhắc nhở nào về chất lượng vệ sinh của Công ty Cáp treo N; việc Công ty Cáp treo N lập biên bản đối với nhân viên công ty thì nhân viên không báo lại nên giám đốc Công ty H không biết gì về việc có nhắc nhở này và cũng không có chỉ đạo cho nhân viên công ty là bà Lương Thị Kim Huệ từ chối ký biên bản với Công ty Cáp treo N.

Do đó, Công ty Cáp treo N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên Công ty H yêu cầu Công ty Cáp treo N bồi thường thiệt hại số tiền là 286.200.000 đồng là giá trị của hợp đồng trong 05 tháng còn lại.

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Cáp treo N – ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ngày 23-01-2018, Công ty H và Công ty Cáp treo N có ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 07 thỏa thuận Công ty H cung cấp dịch vụ vệ sinh cho Công ty Cáp treo N với thời hạn hợp đồng từ ngày 17-3-2018 đến hết ngày 03-02-2019 với giá trị hợp đồng là 57.240.000 đồng/tháng. Theo Hợp đồng, Công ty H phải cung cấp 08 nhân viên vệ sinh và 01 nhân viên giám sát không thường xuyên. Tuy nhiên, Công ty H chỉ cung cấp 08 nhân viên, thiếu 01 người nên nhân sự không đảm bảo vị trí công tác trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng; đồng thời, nhân viên công ty H cũng thường xuyên không đảm bảo được người trực, bỏ vị trí trực. Ngoài ra, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H không đảm bảo chất lượng vệ sinh, Công ty Cáp treo N đã nhắc nhở miệng nhiều lần nhưng không sửa đổi nên Công ty Cáp treo N tiến hành lập biên bản, cụ thể: Biên bản kiểm tra chất lượng vệ sinh ngày 12-8-2018: Nhân viên Công ty H có ký biên bản; Biên bản kiểm tra chất lượng vệ sinh ngày 22-8-2018: Nhân viên Công ty H có ký biên bản, cam kết không vi phạm; Biên bản nghiệm thu ngày 23-8-2018: Nhân viên Công ty H không đồng ý ký tên; Biên bản nghiệm thu ngày 23-

8-2018: Nhân viên Công ty H không đồng ý ký tên; Biên bản kiểm tra chất lượng vệ sinh ngày 26-8-2018: Nhân viên Công ty H không đồng ý ký tên; Biên bản kiểm tra chất lượng vệ sinh ngày 31-8-2018: Nhân viên Công ty H không có người trực, tự ý ngưng hợp đồng.

Ngoài ra, Công ty Cáp treo N có cung cấp đoạn ghi hình thể hiện cuộc hội thoại giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Lương Thị Kim H vào ngày 23-8-2018.

Tại Điều 7 Hợp đồng có thỏa thuận nội dung: Công ty Cáp treo N có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty H nếu Công ty H không đảm bảo về chất lượng dịch vụ và số lượng nhân viên theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên. Mặt khác, ngày 31-8-2019, sau khi hai bên công ty làm việc và không thống nhất được ý kiến nhưng Công ty H tự ý rút toàn bộ nhân viên về không thực hiện hợp đồng là vi phạm theo Điều 5 của Hợp đồng (thời hạn chấm dứt hợp đồng là 01 tháng kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng) đã gây khó khăn, thiệt hại cho Công ty Cáp treo N.

Về việc Công ty Cáp treo N ban hành Thông báo số 129 đề nghị thanh lý hợp đồng gửi cho Công ty H để xem xét, thống nhất nhưng Công ty H không đồng ý thì Công ty Cáp treo N vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng và do Công ty H có vi phạm hợp đồng không đảm bảo chất lượng vệ sinh và số lượng nhân viên nên Công ty Cáp treo N mới chấm dứt hợp đồng, Công ty Cáp treo N không căn cứ vào Thông báo 129 để chấm dứt hợp đồng với Công ty H.

Theo hợp đồng, không có điều khoản nào quy định về việc phải nhắc nhở bằng văn bản. Đối với quy định tại Điều 6 Hợp đồng là trong trường hợp mùa cao điểm hoặc trường hợp cụ thể thì thỏa thuận tăng hoặc giảm nhân viên thì các bên có thông báo văn bản (thông thường ký kết phụ lục hợp đồng). Việc thông báo bằng văn bản này không áp dụng vào việc nhắc nhở như nguyên đơn trình bày.

Do đó, Công ty H đã vi phạm hợp đồng nên Công ty Cáp treo N có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 10-7-2019 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 74, 78 của Luật thương mại 2005; Điều 428 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Cáp treo N bồi thường thiệt hại số tiền 286.200.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.*

Ngày 22-7-2019, Công ty H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty cổ phần Cáp treo N bồi thường số tiền 159.200.000 đồng, trong đó khoản tiền mất thu nhập doanh nghiệp là 20.000.000 đồng/tháng x 5 tháng = 100.000.000 đồng, tiền lương của 08 nhân viên do chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là 3.700.000 đồng/người/tháng x 08 người x 02 tháng = 59.200.000 đồng.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty Cáp treo N bồi thường thiệt hại thực tế cho Công ty H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của Công ty H thì thấy rằng:

[1] Công ty H và Công ty Cáp treo N ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 07 ngày 23-01-2018 là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Do Luật Thương mại năm 2005 không quy định về đơn phương chấm dứt hợp đồng nên theo khoản 3 Điều 4 của Luật Thương mại năm 2005 áp dụng Bộ luật Dân sự để giải quyết. Theo khoản 1 Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Xét theo thỏa thuận của các bên tại Điều 7 của Hợp đồng số 07 quy định: “Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B nếu như bên B không đảm bảo chất lượng dịch vụ và số lượng nhân viên theo như thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa hai bên”. Dẫn chiếu đến Điều 5 của Hợp đồng số 07 thể hiện: “Sau nhiều lần nhắc nhở mà bên B không đáp ứng được yêu cầu dịch vụ của bên A, bên A được quyền lập biên bản và chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với bên B”. Như vậy, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên A không đảm bảo chất lượng dịch vụ và số lượng nhân viên như thỏa thuận, đồng thời Bên B muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng phải dựa trên cơ sở đã nhắc nhở của bên A mà bên B vẫn không thực hiện.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cáp treo N cho rằng căn cứ để đơn phương chấm dứt hợp đồng là theo Thông báo số 130/TB-CT ngày 31-8-2018, Công ty H không đảm bảo chất lượng vệ sinh, vi phạm Điều 7 của hợp đồng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng phục vụ khách và uy tín của Công ty Cáp treo N.

[3.1] Xét thấy tại các biên bản kiểm tra vệ sinh ngày 18-3-2018, ngày 17-4-2018, ngày 22-5-2018, ngày 19-6-2018, ngày 13-7-2018 của Công ty Cáp treo N với Công ty H đều thể hiện việc kiểm tra vệ sinh thường xuyên một tháng một lần và Công ty H đều thực hiện tốt hợp đồng vệ sinh.

Riêng tháng 8-2018, Công ty Cáp treo N lập 04 biên bản kiểm tra chất lượng vệ sinh trong khoảng thời gian từ ngày 12-8-2018 đến ngày 26-8-2018, trong đó có 02 biên bản kiểm tra ngày 23-8-2018 và ngày 26-8-2018 đại diện Công ty H không đồng ý ký tên nên không có cơ sở xem xét.

Đối với hai biên bản kiểm tra vệ sinh lập ngày 12-8-2018 và ngày 22-8-2018, đại diện Công ty H có ký tên xác nhận. Tuy nhiên trong hợp đồng số 07, các bên không thỏa thuận về tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh và việc sắp xếp nhân viên trực vệ sinh, số lượng nhân viên vệ sinh, Công ty Cáp treo N cũng không yêu cầu Công ty H cung cấp danh sách bố trí nhân viên nên việc Công ty Cáp treo N cho rằng Công ty H không đảm bảo chất lượng vệ sinh, vi phạm về việc bố trí nhân sự theo Điều 7 của Hợp đồng là chưa có cơ sở.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của Công ty Cáp treo N đều xác nhận không có văn bản nhắc nhở Công ty H về vi phạm nêu trên, đến ngày 31-8-2018 Công ty Cáp treo N mới giao các biên bản kiểm tra kèm theo Thông báo số 130/TB-CT ngày 31-8-2018 cho phía Công ty H.

Do đó, Công ty Cáp treo N chưa có căn cứ xác định Công ty H vi phạm hợp đồng, cũng không nhắc nhở Công ty H về chất lượng vệ sinh nên việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty Cáp treo N là không đúng theo Điều 7

của Hợp đồng vệ sinh số 07 ngày 23-01-2018 đã ký kết.

[3.2] Về máy móc thiết bị vệ sinh, Công ty H cho rằng do không có chỗ để cất máy móc nên khi làm vệ sinh xong thì Công ty H chở máy móc về. Phía Công ty Cáp treo N cũng không có ý kiến gì về việc bố trí máy móc trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng từ khi ký kết đến trước ngày 23-8-2018. Do đó, biên bản kiểm tra thiết bị vệ sinh ngày 23-8-2018, Công ty Cáp treo N cho rằng Công ty H không có máy móc thiết bị vệ sinh nhưng biên bản không thể hiện rõ thời gian vào lúc mấy giờ nên không có cơ sở xác định Công ty H vi phạm hợp đồng về bố trí máy móc vệ sinh.

[3.3] Ngoài ra, Công ty Cáp treo N cho rằng việc vi phạm hợp đồng của Công ty H diễn ra từ khoảng thời gian 12-8-2018 đến ngày 26-8-2018 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín thương hiệu của Công ty Cáp treo N và làm căn cứ để đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng Công ty Cáp treo N không có chứng cứ chứng minh thiệt hại xảy ra do vi phạm của Công ty H nên không có căn cứ cho rằng vi phạm của Công ty H là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng theo khoản 1 Điều 428 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Thực tế, ngày 21-8-2018, Công ty Cáp treo N có Thông báo số 129/TB-CT yêu cầu chấm dứt hợp đồng vệ sinh số 07 với Công ty H với lý do *“sắp xếp lại bộ máy, tinh giảm nhân sự và giảm thiểu chi phí hoạt động”* (bút lục số 274). Tuy nhiên, các bên không đạt được thỏa thuận về yêu cầu bồi thường chấm dứt hợp đồng. Sau ngày 21-8-2018, Công ty Cáp treo N đã lập 03 biên bản kiểm tra vệ sinh và 01 biên bản kiểm tra thiết bị vệ sinh đối với Công ty H. Đến ngày 31-8-2018, Công ty Cáp treo N tiếp tục có Thông báo số 130/TB-CT về việc chấm dứt hợp đồng số 07 với lý do Công ty H không đảm bảo chất lượng vệ sinh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng phục vụ khách và uy tín của Công ty Cáp treo N. Tại Biên bản làm việc ngày 31-8-2018 (bút lục số 53), Công ty Cáp treo N đã khẳng định: *“Do chủ trương cơ cấu lại bộ máy tổ chức nên bên A đã thông báo cho bên B về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn kể từ ngày 30-9-2018...”*. Xét thấy, Thông báo số 129 và Thông báo số 130 đều thể hiện mong muốn chấm dứt hợp đồng vệ sinh số 07 trước thời hạn của Công ty Cáp treo N và Công ty Cáp treo N có nhu cầu chấm dứt hợp đồng vệ sinh trước hạn vì lý do tinh giảm bộ máy là có thật. Đây là lý do chủ quan phía Công ty Cáp treo N, không phải là căn cứ đơn phương chấm dứt hợp đồng theo Điều 7 của Hợp đồng số 07 ngày 23-01-2018, cũng như theo quy định tại khoản 1 Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Như vậy, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty Cáp treo N theo Thông báo số 129 hay theo Thông báo số 130 đều không đúng theo Điều 7 của Hợp đồng vệ sinh số 07 ngày 23-01-2018 và không đúng quy định tại

Khoản 1 Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Theo khoản 5 Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty Cáp treo N là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên theo Điều 5 của Hợp đồng số 07, thời điểm chấm dứt hợp đồng là sau 01 tháng kể từ ngày Bên A có thông báo bằng văn bản và gửi đến Bên B; tại biên bản làm việc ngày 31-8-2018, Công ty Cáp treo N nêu ý kiến chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 31-8-2018 chỉ là ý kiến một phía của Công ty Cáp treo N, hai bên không đạt được thỏa thuận về thời điểm chấm dứt hợp đồng. Đồng thời sau khi nhận Thông báo chấm dứt hợp đồng số 130/TB-CT ngày 31-8-2018, Công ty H không có văn bản phản hồi về việc chấm dứt hợp đồng cho Công ty Cáp treo N mà Công ty H ngưng ngay hợp đồng là không đúng quy định của hợp đồng.

Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần Cáp treo N bồi thường khoản tiền mất thu nhập của doanh nghiệp là  $20.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 100.000.000 \text{ đồng}$  là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu đòi hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại tiền lương cho người lao động của Công ty H thì thấy rằng:

Tại các biên bản lấy lời khai của 08 nhân viên vệ sinh tại Công ty Cáp treo N là bà Phan Thị Như Y (bút lục số 131, 132), bà Nguyễn Thị M (bút lục số 129, 130), bà Phạm Ngọc P (bút lục số 127, 128), bà Lê Thị M (bút lục 125, 126), anh Trần Ngọc L (bút lục 123, 124), bà Nguyễn Thị T (bút lục 121, 122), bà Đỗ Thị Bích V (bút lục số 119, 120), của bà Võ Thị Hồng Đ (bút lục số 117, 118), bà Lương Thị Kim H (bút lục số 114, 115, 116) đều thể hiện sau khi Công ty H chấm dứt hợp đồng vệ sinh với Công ty Cáp treo N thì Công ty H phải chấm dứt hợp đồng lao động với 08 nhân viên vệ sinh và bồi thường 02 tháng tiền lương tháng 9, tháng 10 năm 2018 cho mỗi người là 3.700.000 đồng/tháng. Như vậy tổng số tiền, Công ty H phải trả cho nhân viên để kết thúc sớm hợp đồng lao động là  $3.700.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 08 \text{ người} \times 02 \text{ tháng} = 59.200.000 \text{ đồng}$ .

Xét thấy, lý do Công ty H cho 08 người lao động nghỉ việc xuất phát từ việc Công ty Cáp treo N đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động. Công ty H đã bồi thường tiền lương cho người lao động là phù hợp với Bộ luật Lao động. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty H về yêu cầu Công ty Cáp treo N trả lại cho Công ty H khoản tiền mà Công ty H đã bồi thường tiền lương cho 08 nhân viên nghỉ việc tháng 9, tháng 10 năm 2018 là 59.200.000 đồng là phù hợp pháp luật.



[8] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty H, buộc Công ty Cáp treo N trả cho Công ty H số tiền bồi thường tiền lương cho người lao động là 59.200.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của Công ty H đòi Công ty Cáp treo N bồi thường số tiền thu nhập doanh nghiệp bị mất là 100.000.000 đồng.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm như sau:

- Công ty Cáp treo N phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là  $59.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.960.000 \text{ đồng}$ .

- Công ty H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là  $(159.200.000 \text{ đồng} - 59.200.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 5.000.000 \text{ đồng}$ .

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH H.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H.

Buộc Công ty cổ phần Cáp treo N trả cho Công ty TNHH H số tiền 59.200.000 đồng (Năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H yêu cầu Công ty cổ phần Cáp treo N bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

### 2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Cáp treo N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 2.960.000 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.155.000 đồng theo biên lai thu số 0006639 ngày 01-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền là 2.155.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

### 2.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007300 ngày 22-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lưu Ánh Nguyệt**